

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 4 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tổng Duy Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Đức Quân.

2. Bà Tân Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 01/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vàng Thị P, năm sinh 1991.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Thào Seo S, năm sinh 1995.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

3. *Người làm chứng:* Bà Vàng Seo C, năm sinh 1965.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vàng Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Thào Seo S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh

Lào Cai vào ngày 09/09/2019. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với nhau hạnh phúc đến tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau về việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con chung, mặt khác anh S thường xuyên gây sự đùoi chị P ra khỏi nhà. Khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên gia đình có khuyên can nhiều lần nhưng anh chị không khắc phục được, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng hơn, anh chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau nhiều hơn và đến thời điểm hiện tại thì không thể chung sống cùng nhau được nữa. Nay chị P xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S để đảm bảo cuộc sống riêng của hai người.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị P và anh S chỉ có một người con chung là cháu Thào Anh T, sinh ngày 15/5/2019. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị P sẽ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Cháu T hiện nay phát triển khỏe mạnh bình thường và do anh S đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay chị P làm nghề tự do, thu nhập của chị P là 5.000.000 đồng/1 tháng, còn anh S cũng làm tự do (làm ruộng, trồng trọt, chăn nuôi), thu nhập của anh S là 5.000.000 đồng/1 tháng.

2. Đối với bị đơn anh Thào Seo S: Sau khi Toà án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: thực hiện thủ tục giao các văn bản tố tụng vụ án dân sự hợp lệ cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với anh S - mẹ đẻ anh S là bà Vàng Seo C và Tòa án yêu cầu bà C cam kết giao lại tận tay cho anh S, sau mỗi giai đoạn của thủ tục tố tụng thì Tòa án đã lập Biên bản làm việc thì bà C đều xác nhận đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S, nhưng vẫn không tiến hành lấy lời khai của anh S được, dẫn đến không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân và nuôi con khi ly hôn giữa chị P và anh S.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

3.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định tại các Điều 97, 98, 207, 208, 209, 210, 211, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 48, 49, 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

3.2. Về việc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử theo hướng:

- Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Vàng Thị P, cho chị P được ly hôn anh Thào Seo S.

- Về con: Giao cháu Thào Anh T, sinh ngày 15/5/2019 cho anh Thào Seo S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T là 1.500.000 đồng/một tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về tài sản và khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 tuyên về án phí đối với các đương sự.

- Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

3.3. Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị P, Tòa án đã thực hiện thủ tục giao các văn bản tố tụng vụ án dân sự hợp lệ cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với anh S - mẹ đẻ anh S là bà Vàng Seo C và Tòa án yêu cầu bà C cam kết giao lại tận tay cho anh S như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập hai lần cho từng giai đoạn tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để anh S có ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị P và phải có mặt tại trụ sở Tòa án để khai về mối quan hệ hôn nhân và nuôi con khi ly hôn giữa anh S và chị P nhưng anh S vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, xâm phạm tới quyền lợi của người khác được pháp luật bảo vệ. Đồng thời, sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh S là hợp pháp. Qua lời khai của chị P, thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do cả hai anh chị không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau về việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con chung, mặt khác anh S thường xuyên gây sự đuổi chị P ra khỏi nhà. Khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên gia đình có khuyên can nhiều lần nhưng anh chị không khắc phục được, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng hơn, anh chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau nhiều hơn và đến thời điểm hiện tại thì không thể chung sống cùng nhau được nữa. Nay tình cảm giữa chị P đối với anh S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S để đảm bảo cuộc sống riêng của hai người. Qua lời khai của người làm chứng bà Vàng Seo C là mẹ đẻ anh S cũng xác nhận chị P và anh S hay cãi chửi nhau. Xét thấy, việc chị P làm đơn khởi kiện yêu cầu

Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong thời gian chị P và anh S chung sống với nhau chỉ có một con chung là cháu Thảo Anh T. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì cả chị P và anh S đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung bình thường - thu nhập của chị P và anh S hiện nay mỗi người một tháng là 5.000.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi con ăn học. Hiện nay, cháu T phát triển khỏe mạnh bình thường và đang ở cùng với anh S, cháu T luôn được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt bình thường, nên anh S sẽ chăm sóc cháu T tốt về mọi mặt. Vì vậy, việc chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con: có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1,3 Điều 82 và khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận, xét thấy thời điểm chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng định kỳ hàng tháng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,2,3 Điều 82, khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vàng Thị P và anh Thảo Seo S. Quan hệ hôn nhân của chị Vàng Thị P và anh Thảo Seo S được chấm dứt kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Thảo Anh T, sinh ngày 15/5/2019 cho anh Thảo Seo S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị Vàng Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

cháu T là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/một tháng kể từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Vàng Thị P phải chịu: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Tổng cộng là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001846 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Chị P còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Mường Khương (2);
- CCTHADS huyện Mường Khương;
- UBND xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Tổng Duy Toán